

Số: 19 /NQ-HĐND

Phù Đổng, ngày 05 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc quyết định kế hoạch đầu tư công năm 2026 và
dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 xã Phù Đổng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ PHÙ ĐỔNG
KHOÁ XXI, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2024);

Căn cứ Luật Đầu tư công; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, Nghị định 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030; Văn bản số 6555/BKHĐT-TH ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về định mức phân bổ ngân sách và tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về phân cấp và quy định thẩm quyền quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 5969/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, dự toán thu - chi ngân sách, biên chế hành chính, sự nghiệp; khoa học công nghệ năm 2026;

Căn cứ Hướng dẫn của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tại các văn bản: số 2434/UBND-KTTH ngày 25 tháng 7 năm 2024, số 2422/UBND-KTTH ngày 24 tháng 7 năm 2024, số 4371/UBND-KT ngày 31 tháng 7 năm 2025; Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 2891/KH&ĐT-THQH ngày 02 tháng 7 năm 2024.

Xét Tờ trình số 93/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Phù Đổng về dự kiến Kế hoạch đầu tư công 2026 và kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 xã Phù Đổng; Báo cáo thẩm tra số 31/BC-BKTNS ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Xã và ý kiến thảo luận, kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Xã.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định kế hoạch đầu tư công năm 2026 xã Phù Đổng, cụ thể như sau:

Tổng kế hoạch vốn giao: 645.556 triệu đồng, trong đó:

1. Kế hoạch vốn đối với các dự án sử dụng ngân sách xã: 439.900 triệu đồng cho 17 dự án và các nhiệm vụ, cụ thể:

- Bố trí đảm bảo đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp: 14 dự án, kế hoạch vốn đề xuất bố trí: 152.100 triệu đồng.

- Đề xuất bố trí vốn cho các dự án mới: 03 dự án, nhu cầu vốn: 24.800 triệu đồng.

- Đề xuất bố trí vốn thực hiện các nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, thiết kế bản vẽ thi công - dự toán, GPMB, thực hiện theo cơ chế linh hoạt: 241.005 triệu đồng.

- Tiết kiệm 5% dự toán chi đầu tư để bổ sung nguồn đầu tư công trình đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng: 21.995 triệu đồng.

2. Kế hoạch vốn đối với các dự án sử dụng ngân sách Thành phố do UBND xã làm chủ đầu tư: 205.656 cho 13 dự án.

(Chi tiết theo Phụ lục số 01.02)

Điều 2. Hội đồng nhân dân Xã thống nhất về dự kiến, mục tiêu, quan điểm nguyên tắc bố trí kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 theo Tờ trình số 93/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Phù Đổng trình Hội đồng nhân dân Xã khóa XXI, nhiệm kỳ 2021 - 2026, kỳ họp thứ tư, như sau:

1. Tổng số dự án có nhu cầu vốn giai đoạn 2026 - 2030: 174 dự án.

2. Tổng nhu cầu vốn đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030: 24.547.927 triệu đồng, bao gồm:

a) Dự án thuộc nhiệm vụ chi cấp Thành phố: 20 dự án, nhu cầu vốn: 12.548.530 triệu đồng;

b) Dự án thuộc nhiệm vụ chi cấp xã: 154 dự án, nhu cầu vốn: 11.999.398 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục số 03)

3. Ủy ban nhân dân Xã tiếp tục hoàn thiện kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Điều 3. Một số nhiệm vụ trọng tâm

a) Tập trung chỉ đạo ngay đầu năm, xây dựng kế hoạch triển khai các kế hoạch:

- Thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2026, trong đó từng dự án đã được bố trí kế hoạch vốn năm 2026 hoặc có kế hoạch vốn năm 2025 kéo dài (nếu có), yêu cầu: (1) Xác định rõ tiến độ cụ thể từng hạng mục công việc để kiểm soát tiến độ thực hiện các hạng mục và công trình đảm bảo triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, đặc biệt là các dự án trọng điểm; dự án có thời gian thực hiện kéo dài. (2) Đẩy nhanh công tác hoàn thiện các thủ tục phê duyệt thiết kế thi công - dự toán, tổ chức đấu thầu, khởi công đối với các dự án đã được bố trí kế hoạch vốn năm 2026. (3) Đối với các dự án mới chưa phê duyệt dự án, dự kiến bổ sung kế hoạch vốn trong năm: xây dựng kế hoạch chi tiết, khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư của các dự án chưa phê duyệt dự án để đảm bảo đủ điều kiện khởi công trong năm 2026.

- Xây dựng kế hoạch đấu giá, thu tiền sử dụng đất năm 2026 và giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn và tập trung chỉ đạo triển khai để đảm bảo nguồn lực đầu tư công cho giai đoạn. Trong năm 2026 tập trung đấu giá 03 dự án: dự án giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất theo quy hoạch khu đất PD1, PD2, PD3 xã Phù Đông, huyện Gia Lâm; giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng công trình phục vụ cộng đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại khu đất C1, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm; cải tạo sửa chữa hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư thôn Phù Dực, xã Phù Đông phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất.

b) Định kỳ hàng tháng tổ chức họp giao ban xây dựng cơ bản; tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc

- Chủ động rà soát, tổng hợp và tháo gỡ ngay các khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền, nhất là các nội dung liên quan tới quy trình, thủ tục hành chính và kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết đối với các nội dung vượt thẩm quyền.

- Rà soát, xây dựng kế hoạch chuyên đề khắc phục, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và đẩy nhanh tiến độ công tác giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư công trên địa bàn xã ngay trong tháng 12/2026. Trong đó, đối với từng dự án phân loại rõ từng khó khăn, vướng mắc và xác định cụ thể: Lộ trình triển khai công tác giải phóng mặt bằng; trách nhiệm, nhiệm vụ của từng đơn vị trong tháo gỡ khó khăn vướng mắc về giải phóng mặt bằng của dự án.

c) Đẩy nhanh công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự án để khẩn trương hoàn thiện kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 và có dự án mới đủ điều kiện bố trí vốn, khởi công công trình; các dự án hết thời gian thực hiện theo quyết định phê duyệt dự án phải khẩn trương thực hiện điều chỉnh dự án để bố trí kế hoạch vốn và giải ngân năm 2026; đẩy nhanh công tác quy hoạch, xây dựng, thẩm định dự án, công tác kiểm tra, nghiệm thu chất lượng công trình, thủ tục thanh toán vốn.

d) Tranh thủ sự giúp đỡ của Thành phố để kịp thời tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện các chính sách mới, quy định mới về Luật Đầu tư công, Luật

Xây dựng; tăng cường sự phối hợp với các sở, ngành Thành phố; giữa các phòng, ban, đơn vị của xã.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Xã

- Tổ chức thực hiện Nghị quyết và chỉ đạo Chủ đầu tư, các phòng, ban, đơn vị liên quan thuộc Xã triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi kế hoạch đầu tư công năm 2026.

- Triển khai giao kế hoạch vốn năm 2026 cho các đơn và chỉ đạo thực hiện, thanh quyết toán đảm bảo quy định; chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, căn cứ pháp lý của dự án đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện cơ chế giải ngân hiệu quả đối với nguồn vốn linh hoạt cho công tác chuẩn bị đầu tư, thanh quyết toán, giải phóng mặt bằng, nhiệm vụ quy hoạch, thiết kế bản vẽ thi công - dự toán trong tổng nguồn vốn giao cho công tác này theo dự toán được duyệt và đảm bảo quy định, báo cáo Hội đồng nhân dân Xã phê duyệt kế hoạch vốn chính thức cho các dự án.

- Kịp thời lập phương án sử dụng các nguồn thu phát sinh trong năm để trình Hội đồng nhân dân Xã quyết định phân bổ vốn đầu tư công theo nguyên tắc: Tập trung cho dự án, nhiệm vụ quan trọng, đột xuất, bức xúc mới phát sinh.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Xã, các Ban của Hội đồng nhân dân Xã, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân Xã đôn đốc và giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Phù Đổng khoá XXI, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- TT HĐND - UBND Thành phố;
- Sở Tài chính Thành phố;
- TT Đảng ủy, TT HĐND, UBND, UBMTTQ Xã;
- Các vị đại biểu HĐND Xã;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc UBND Xã;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Đặng Thị Huyền

Phụ lục 1

DANH MỤC DỰ ÁN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỖ TRỢ NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số **19**/NQ-HĐND, ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Phù Đổng)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Tên dự án | Số DA | Địa điểm | Thời gian thực hiện dự án | Năng lực thiết kế (ghi tóm tắt) | Quyết định dự án đầu tư được duyệt | | Kế hoạch năm 2025 | | Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025 | KHV TP hỗ trợ năm 2026 | Dự kiến hoàn thành năm 2026 | Chủ đầu tư | Ghi chú |
|------------------|---|-----------|----------|---------------------------|---------------------------------|--|-----------------|-------------------|----------------|---------------------------------------|------------------------|-----------------------------|------------------|---------|
| | | | | | | Số, ngày, tháng, năm | Tổng mức đầu tư | KHV | ƯTH | | | | | |
| | | | | | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | | | | |
| TỔNG CỘNG | | 13 | | | | | 477 334 | 126 860 | 127 860 | 104 070 | 205 656 | | | |
| I | Lĩnh vực giáo dục | 2 | | | | | 60 368 | 34 500 | 34 500 | 34 850 | 14 600 | | | |
| | Dự án chuyển tiếp | 2 | | | | | 60 368 | 34 500 | 34 500 | 34 850 | 14 600 | | | |
| 1 | Xây dựng trường THCS Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm (giai đoạn 2) | 1 | Phù Đổng | | | 915/QĐ-UBND 13/3/2025 | 8 780 | 4 000 | 4 000 | 4 150 | 2 600 | | UBND xã Phù Đổng | |
| 2 | Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Phù Đổng, huyện Gia Lâm | 1 | Phù Đổng | | | 913/QĐ-UBND 13/3/2025 | 51 588 | 30 500 | 30 500 | 30 700 | 12 000 | | UBND xã Phù Đổng | |
| II | Lĩnh vực giao thông | 8 | | | | | 316 859 | 76 700 | 77 700 | 37 540 | 145 658 | | | |
| | Dự án chuyển tiếp | 8 | | | | | 316 859 | 76 700 | 77 700 | 37 540 | 145 658 | | | |
| 1 | Xây dựng tuyến đường từ đường Đặng Phúc Thông vào khu đầu giá X5 thôn Quy Mông và thôn Trùng Quán, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm | 1 | Phù Đổng | | | 7985 28/10/2019 9002 18/11/2020 | 37 987 | 500 | 500 | 30 590 | 6 100 | | UBND xã Phù Đổng | |
| 2 | Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông ngõ xóm trên địa bàn xã Dương Hà, huyện Gia Lâm | 1 | Phù Đổng | | | 6154/QĐ-UBND 28/11/2024 | 21 197 | 5 200 | 5 200 | 5 350 | 11 758 | | UBND xã Phù Đổng | |
| 3 | Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường tại xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm | 1 | Phù Đổng | | | 2690 29/5/2025 | 32 875 | 10 000 | 10 000 | 300 | 10 000 | | UBND xã Phù Đổng | |
| 4 | Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông ngõ xóm trên địa bàn xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm | 1 | Phù Đổng | | | 2701/QĐ-UBND 29/5/2025 | 40 920 | 12 000 | 12 000 | 300 | 20 500 | | UBND xã Phù Đổng | |
| 5 | Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông ngõ xóm trên địa bàn xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm | 1 | Phù Đổng | | | 2692/QĐ-UBND 29/5/2025 | 44 970 | 12 000 | 12 000 | 350 | 25 000 | | UBND xã Phù Đổng | |
| 6 | Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông ngõ xóm trên địa bàn xã Yên Viên, huyện Gia Lâm | 1 | Phù Đổng | | | 2819/QĐ-UBND 06/6/2025 | 39 557 | 12 000 | 12 000 | 300 | 20 000 | | UBND xã Phù Đổng | |
| 7 | Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông ngõ xóm trên địa bàn xã Yên Thường, huyện Gia Lâm | 1 | Phù Đổng | | | 2856/QĐ-UBND 10/6/2025 | 85 082 | 25 000 | 25 000 | 230 | 42 000 | | UBND xã Phù Đổng | |
| 8 | Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông ngõ xóm trên địa bàn thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm | 1 | Phù Đổng | | | 6161/QĐ-UBND 29/11/2024 | 14 271 | | 1 000 | 120 | 10 300 | | UBND xã Phù Đổng | |
| III | Lĩnh vực di tích | 2 | | | | | 60 647 | 15 360 | 15 360 | 7 560 | 32 298 | | | |
| | Dự án chuyển tiếp | 2 | | | | | 60 647 | 15 360 | 15 360 | 7 560 | 32 298 | | | |
| 1 | Tu bổ, tôn tạo đình Xuân Dục, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm | 1 | Phù Đổng | 2021-2026 | Tu bổ, tôn tạo | 1032/QĐ-UBND 20/3/2025 | 34 372 | 8 860 | 8 860 | 960 | 13 920 | | UBND xã Phù Đổng | |
| 2 | Tu bổ, tôn tạo đình Kim Quan, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm | 1 | Phù Đổng | 2022-2026 | Tu bổ, tôn tạo | 886/QĐ-UBND 12/3/2025 | 26 275 | 6 500 | 6 500 | 6 600 | 18 378 | | UBND xã Phù Đổng | |
| IV | Lĩnh vực HT | 1 | | | | | 39 460 | 300 | 300 | 24 120 | 13 100 | | | |
| | Dự án chuyển tiếp | 1 | | | | | 39 460 | 300 | 300 | 24 120 | 13 100 | | | |
| 1 | Xây dựng HTKT phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất tại khu đất X5, thôn Trùng Quán và Quy Mông, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm | 1 | Phù Đổng | | | 8073 29/10/2019 | 39 460 | 300 | 300 | 24 120 | 13 100 | | UBND xã Phù Đổng | |

Phụ lục 2

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG CẤP XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số. 19./NQ-HĐND, ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Phù Đổng)

Đơn vị:
Triệu đồng

| TT | Danh mục dự án | Số dự án | Địa điểm XD | Năng lực thiết kế | Thời gian KC-HT | QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được giao KH các năm | | Năm 2025 | | Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025 | Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2026 | | | Chủ đầu tư |
|-----|--|-----------|-------------|-------------------|-----------------|---|-------------------------------------|----------------|---------------|---------------------------------------|---|----------------|-----------------------|------------------|
| | | | | | | Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành | TMĐT Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | KHV | UTH | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | | | | | | | | | Nguồn phân cấp | Nguồn đầu giá QSD đất | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| | TỔNG SỐ | 17 | | | | | 663 547 | 116 074 | 49 374 | 438 495 | 439 900 | 113 600 | 326 300 | |
| - | Dự án chuyển tiếp | 14 | | | | | 618 003 | 116 024 | 49 324 | 438 345 | 152 100 | 65 100 | 87 000 | |
| - | Dự án mới | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 45 544 | 50 | 50 | 150 | 24 800 | 4 300 | 20 500 | |
| - | Tiết kiệm 5% | | | | | | | | | | 21 995 | 5 600 | 16 395 | |
| - | Vốn Chuẩn bị đầu tư | | | | | | | | | | 3 000 | 3 000 | | |
| - | Vốn TKBVTC-DT | | | | | | | | | | 5 000 | 5 000 | | |
| - | Vốn GPMB | | | | | | | | | | 202 405 | | 202 405 | |
| - | Vốn tất toán | | | | | | | | | | 30 600 | 30 600 | | |
| I | Lĩnh vực giao thông | 5 | | | | | 257 863 | 100 750 | 34 050 | 214 335 | 57 600 | 45 000 | 12 600 | |
| I | Dự án chuyển tiếp | 4 | | | | | 230 618 | 100 700 | 34 000 | 214 235 | 47 100 | 45 000 | 2 100 | |
| - | Xây dựng tuyến đường đê Đá theo quy hoạch, xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm | 1 | Xã Phù Đổng | | 2021-2026 | 5315/QĐ-UBND ngày 03/10/2024 | 115 399 | 69 200 | 17 400 | 130 835 | 40 000 | 40 000 | | UBND xã Phù Đổng |
| - | Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường Đình Xuyên qua khu đầu giá X1 đến đường Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm | 1 | Xã Phù Đổng | | 2021-2026 | 8192/QĐ-UBND 31/10/19 1656/QĐ-UBND 24/9/2025 | 38 465 | 700 | 700 | 12 550 | 2 000 | | 2 000 | UBND xã Phù Đổng |
| - | Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ khu đầu giá B116 đến đường 179 và tuyến đường cạnh khu đầu giá B116, xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm | 1 | Xã Phù Đổng | | 2020-2026 | 5286/QĐ-UBND 03/8/2022 6458/QĐ-UBND 20/12/2024 | 39 968 | 19 700 | 15 800 | 37 850 | 5 000 | 5 000 | | UBND xã Phù Đổng |
| - | Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đê tá Đuông qua thôn Phù Đổng 3 đến đường liên xã Ninh Hiệp - Phù Đổng - Trung Mẫu, huyện Gia Lâm | 1 | Xã Phù Đổng | | 2021-2026 | 1091/QĐ-UBND 20/3/2023 1656/QĐ-UBND 24/9/2025 | 36 786 | 11 100 | 100 | 33 000 | 100 | | 100 | UBND xã Phù Đổng |
| 2 | Dự án mới | 1 | | | | | 27 245 | 50 | 50 | 100 | 10 500 | | 10 500 | |
| - | Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường Yên Thường qua chùa Vân đến khu đầu giá đất xã Yên Viên và xã Yên Thường, huyện Gia Lâm | 1 | Xã Phù Đổng | | 2021-2027 | 5177/QĐ-UBND 01/12/2025 | 27 245 | 50 | 50 | 100 | 10 500 | | 10 500 | UBND xã Phù Đổng |
| III | Lĩnh vực giáo dục | 1 | | | | | 35 649 | | | 2 800 | 27 000 | | 27 000 | |
| I | Dự án chuyển tiếp | 1 | | | | | 35 649 | | | 2 800 | 27 000 | | 27 000 | |
| - | Xây dựng trường mầm non Hoa Hồng, thôn Trùng Quán, xã Yên Thường huyện Gia Lâm | 1 | Xã Phù Đổng | | 2020-2026 | 892/QĐ-UBND 17/2/2020 1148/QĐ-UBND 25/5/2025 | 35 649 | | | 2 800 | 27 000 | | 27 000 | UBND xã Phù Đổng |

| TT | Danh mục dự án | Số dự án | Địa điểm XD | Năng lực thiết kế | Thời gian KC-HT | QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được giao KH các năm | | Năm 2025 | | Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025 | Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2026 | | | Chủ đầu tư |
|-----------|---|----------|-------------|-------------------|-----------------|--|-------------------------------------|---------------|---------------|---------------------------------------|---|----------------|-----------------------|------------------|
| | | | | | | Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành | TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | KHV | ƯTH | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | | | | | | | | | Nguồn phân cấp | Nguồn đầu giá QSD đất | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| IV | Lĩnh vực di tích | 3 | | | | | 40 575 | 1 200 | 1 200 | 20 130 | 8 700 | 8 700 | | |
| I | Dự án chuyển tiếp | 2 | | | | | 35 064 | 1 200 | 1 200 | 20 080 | 4 400 | 4 400 | | |
| - | Tu bổ, tôn tạo Đền Yên Khê, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm | 1 | Xã Phù Đổng | | 2021-2025 | 4015 25/05/2022 5178/QĐ-UBND 01/12/2025 | 11 725 | | | 6 770 | 1 700 | 1 700 | | UBND xã Phù Đổng |
| - | Tu bổ, tôn tạo Đình Lại Hoàng, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm | 1 | Xã Phù Đổng | | 2021-2025 | 3988 20/05/2022 5178/QĐ-UBND 01/12/2025 | 23 339 | 1 200 | 1 200 | 13 310 | 2 700 | 2 700 | | UBND xã Phù Đổng |
| 2 | Dự án mới | 1 | | | | | 5 511 | | | 50 | 4 300 | 4 300 | | |
| - | Tu bổ, tôn tạo di tích lăng mộ Quận công Nguyễn Đăng Doanh, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm | 1 | Xã Phù Đổng | | 2025-2026 | 4698/QĐ-UBND 07/11/2025 | 5 511 | | | 50 | 4 300 | 4 300 | | UBND xã Phù Đổng |
| V | Dự án đầu giá | 4 | | | | | 122 760 | 3 624 | 3 624 | 76 140 | 60 400 | 5 500 | 54 900 | |
| I | Dự án chuyển tiếp | 4 | | | | | 122 760 | 3 624 | 3 624 | 76 140 | 60 400 | 5 500 | 54 900 | |
| - | Xây dựng HTKT phục vụ đầu giá QSD đất nhỏ kẹt xã Phù Đổng | 1 | Xã Phù Đổng | | 2018-2026 | 4104/QĐ-UBND 19/6/19 1656/QĐ-UBND 24/9/2025 | 11 299 | 100 | 100 | 7 000 | 500 | 500 | | UBND xã Phù Đổng |
| - | Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất để xây dựng, chỉnh trang khu dân cư đô thị tại khu đất YVTT, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm | 1 | Xã Phù Đổng | | 2020-2026 | 1290 7/12/18 21/NQ-HĐND 24/9/2021 | 24 551 | 3 000 | 3 000 | 9 350 | 5 000 | 5 000 | | UBND xã Phù Đổng |
| - | GPMB tạo quỹ đất sạch phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất khu X1 thôn Trùng Quán, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm | 1 | Xã Phù Đổng | | 2018-2026 | 4490/QĐ-UBND 7/6/2018 1656/QĐ-UBND 24/9/2025 | 75 655 | 514 | 514 | 59 580 | 48 900 | | 48 900 | UBND xã Phù Đổng |
| - | Giải phóng mặt bằng phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất để xây dựng công trình phục vụ cộng đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại khu đất C8-C9, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm | 1 | Xã Phù Đổng | | 2020-2023 | 8020/QĐ-UBND 14/10/2020 5178/QĐ-UBND 01/12/2025 | 11 255 | 10 | 10 | 210 | 6 000 | | 6 000 | UBND xã Phù Đổng |
| VI | Lĩnh vực HTKT | 4 | | | | | 206 700 | 10 500 | 10 500 | 125 090 | 23 200 | 10 200 | 13 000 | |
| I | Dự án chuyển tiếp | 3 | | | | | 193 912 | 10 500 | 10 500 | 125 090 | 13 200 | 10 200 | 3 000 | |
| - | Giải phóng mặt bằng để xây dựng, chỉnh trang khu dân cư đô thị tại khu đất X5, thôn Quy Mông và thôn Trùng Quán, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm | 1 | Xã Phù Đổng | | 2018-2026 | 4494/QĐ-UBND 07/06/2018 3282/QĐ-UBND 16/8/2023 1656/QĐ-UBND 24/9/2025 | 41 272 | | | 7 480 | 3 000 | | 3 000 | UBND xã Phù Đổng |

| TT | Danh mục dự án | Số dự án | Địa điểm XD | Năng lực thiết kế | Thời gian KC-HT | QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được giao KH các năm | | Năm 2025 | | Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025 | Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2026 | | | Chủ đầu tư |
|-----|---|----------|-------------|-------------------|-----------------|---|-------------------------------------|----------|-------|---------------------------------------|---|----------------|-----------------------|------------------|
| | | | | | | Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành | TMBT Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | KHV | ƯTH | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | | | | | | | | | Nguồn phân cấp | Nguồn đầu giá QSD đất | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| - | Kè hồ, làm đường dạo chống lấn chiếm hồ Vực, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm | 1 | Xã Phù Đổng | | 2020-2026 | 7360 24/11/2022 6457 20/12/2024 | 138 587 | 7 500 | 7 500 | 117 200 | 2 000 | 2 000 | | UBND xã Phù Đổng |
| - | Nạo vét, chỉnh trang khu vực ao tổ dân phố Yên Hà giáp đường quy hoạch 28m Phan Đăng Lưu - Yên Thường, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm | 1 | Xã Phù Đổng | | 2021-2026 | 6152/QĐ-UBND 28/11/2024 | 14 053 | 3 000 | 3 000 | 410 | 8 200 | 8 200 | | UBND xã Phù Đổng |
| 2 | Dự án mới | 1 | | | | | 12 788 | | | | 10 000 | | 10 000 | |
| - | Cải tạo chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật đoạn đường vào đền Hạ, xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm | 1 | Xã Phù Đổng | | 2024-2026 | 5176/QĐ-UBND 01/12/2025 | 12 788 | | | | 10 000 | | 10 000 | UBND xã Phù Đổng |
| III | Tiết kiệm 5% | | | | | | | | | | 21 995 | 5 600 | 16 395 | |
| IV | Bố trí vốn linh hoạt | | | | | | | | | | 241 005 | 38 600 | 202 405 | |
| 1 | Vốn Chuẩn bị đầu tư | | | | | | | | | | 3 000 | 3 000 | | |
| 2 | Vốn TKBVTC-DT | | | | | | | | | | 5 000 | 5 000 | | |
| 3 | Vốn GPMB | | | | | | | | | | 172 405 | | 172 405 | |
| 4 | Vốn tất toán | | | | | | | | | | 60 600 | 30 600 | 30 000 | |

Phụ lục số 3

ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 05 NĂM 2026 - 2030 XÃ PHÙ ĐỔNG
(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND, ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Phù Đổng)

| STT | Tên dự án | Số dự án | Nhóm dự án | Địa điểm xây dựng | Thời gian khởi công - hoàn thành | Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán | | | Năm 2025 | | Nhu cầu Kế hoạch trung hạn 2026-2030 | | | | | | Năm dự kiến hoàn thành | Chủ đầu tư | Ghi chú | | |
|------------------|---|----------|------------|-------------------|----------------------------------|--|-----------------|--------------------|---------------------------------|------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------|---------------------|-----------|-----------|-----------|------------------------|------------|------------------|------------------|-------------------------------------|
| | | | | | | Số, ngày, tháng, năm | Tổng mức đầu tư | Trong đó: dự phòng | Kế hoạch vốn năm 2025 được giao | Ước giải ngân đến 31/01/2026 | Tổng số | Chia theo nguồn vốn | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | Ngân sách trung ương trong nước | Ngân sách Thành phố | Năm 2026 | Năm 2027 | Năm 2028 | | | | Năm 2029 | Năm 2030 |
| TỔNG CỘNG | | 174 | | | | | 33 476 828 | 5 963 039 | 271 564 | 197 999 | 24 547 927 | | 24 547 927 | 6 412 737 | 3 438 311 | 4 364 709 | 6 260 874 | 4 011 216 | | | |
| A | DỰ ÁN THUỘC NHIỆM VỤ CHI CẤP THÀNH PHỐ | 20 | | | | | 17 865 680 | 4 467 802 | 14 450 | 9 155 | 12 548 530 | | 12 548 530 | 5 774 273 | 1 645 148 | 1 738 091 | 2 383 479 | 1 007 538 | | | |
| - | Lĩnh vực giao thông | 6 | | | | | 2 412 513 | 167 235 | 13 450 | 8 750 | 1 052 773 | | 1 052 773 | 145 000 | 90 000 | 245 332 | 408 886 | 163 555 | | | |
| | <i>Dự án chuyển tiếp</i> | 4 | | | | | 1 390 297 | 74 306 | 13 450 | 8 750 | 235 000 | | 235 000 | 145 000 | 90 000 | | | | | | |
| 1 | Xây dựng đường để tá Đuống đoạn từ cầu Đuống đến cầu Phù Đổng, huyện Gia Lâm | 1 | B | Xã Phù Đổng | 2021-2027 | 9008 31/10/2018 | 511 247 | 27 032 | | | 25 000 | | 25 000 | 25 000 | | | | | 2 026 | UBND xã Phù Đổng | |
| 2 | Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường Phan Đăng Lưu đến Yên Thường, huyện Gia Lâm | 1 | B | Xã Phù Đổng | 2019-2026 | 7887/QĐ-UBND 25/10/2019 | 287 737 | 14 105 | 12 200 | 7 500 | 20 000 | | 20 000 | 20 000 | | | | | 2 026 | UBND xã Phù Đổng | Dự án chia 2 GD, đang thực hiện GD1 |
| 3 | Xây dựng tuyến đường quy hoạch 24,5m từ đê Đuống đến đường Đốc Lã - Ninh Hiệp | 1 | B | Xã Phù Đổng | 2018-2026 | 9012/QĐ-UBND 31/10/2018 | 348 477 | 17 972 | | | 90 000 | | 90 000 | 60 000 | 30 000 | | | | 2 027 | UBND xã Phù Đổng | |
| 4 | Xây dựng tuyến đường Yên Viên - Đình Xuyên - Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm | 1 | B | Xã Phù Đổng | 2021-2026 | 6666 11/9/20 | 242 836 | 15 197 | 1 250 | 1 250 | 100 000 | | 100 000 | 40 000 | 60 000 | | | | 2 027 | UBND xã Phù Đổng | |
| | <i>Dự án mới</i> | 2 | | | | | 1 022 216 | 92 929 | | | 817 773 | | 817 773 | | 245 332 | 408 886 | 163 555 | | | | |
| 1 | Đầu tư xây dựng cầu vượt nút giao đường Đàng Công Chất với đường Hà Huy Tập | 1 | B | Xã Phù Đổng | 2027-2030 | | 556 108 | 50 555 | | | 444 886 | | 444 886 | | 133 466 | 222 443 | 88 977 | 2 030 | UBND xã Phù Đổng | | |
| 2 | Đầu tư xây dựng cầu vượt nút giao đường Yên Thường với đường Đàng Phúc Thông | 1 | B | Xã Phù Đổng | 2027-2030 | | 466 108 | 42 373 | | | 372 886 | | 372 886 | | 111 866 | 186 443 | 74 577 | 2 030 | UBND xã Phù Đổng | | |
| | Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật | 9 | | | | | 13 840 437 | 4 165 156 | | | 10 205 978 | | 10 205 978 | 5 560 000 | 1 070 642 | 1 343 959 | 1 619 393 | 611 984 | | | |
| | <i>Dự án chuyển tiếp</i> | 1 | | | | | 108 090 | 9 826 | | | 86 100 | | 86 100 | | 40 000 | 46 100 | | | | | |
| 1 | Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh Thiên Đức, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội | 1 | B | Xã Phù Đổng | 2022-2025 | 03/NQ-HĐND 8/4/2022 | 108 090 | 9 826 | | | 86 100 | | 86 100 | | 40 000 | 46 100 | | | 2 027 | UBND xã Phù Đổng | |
| | <i>Dự án mới</i> | 8 | | | | | 13 732 347 | 4 155 330 | | | 10 119 878 | | 10 119 878 | 5 560 000 | 1 030 642 | 1 297 839 | 1 619 393 | 611 984 | | | |
| 1 | Đầu tư XD nhà máy xử lý nước thải Yên Viên giai đoạn 1 | 1 | B | Xã Phù Đổng | 2026-2030 | | 740 870 | | | | 592 696 | | 592 696 | | 177 809 | 296 348 | 118 539 | 2 028 | UBND xã Phù Đổng | | |
| 2 | Đầu tư xây dựng khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án: Đầu tư tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối sân bay Gia Bình với Thủ đô Hà Nội và các dự án đầu tư trên địa bàn xã Phù Đổng | 1 | B | Xã Phù Đổng | 2025-2027 | 5310/QĐ-UBND 24/10/2025 | 793 489 | 72 135 | | | 634 791 | | 634 791 | 460 000 | 174 791 | | | | 2 027 | UBND xã Phù Đổng | |
| 3 | Dự án TP1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc địa phận huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội thuộc dự án: Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng của dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối sân bay Gia Bình về Thủ đô Hà Nội (đoạn qua địa bàn thành phố Hà Nội) | 1 | A | Xã Phù Đổng | 2025-2026 | 462/NQ-HĐND 29/9/2025 | 7 457 500 | 919 514 | | | 5 100 000 | | 5 100 000 | 5 100 000 | | | | | 2 026 | UBND xã Phù Đổng | |

| STT | Tên dự án | Số dự án | Nhóm dự án | Địa điểm xây dựng | Thời gian khởi công - hoàn thành | Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán | | | Năm 2025 | | Nhu cầu Kế hoạch trung hạn 2026-2030 | | | | | | Năm dự kiến hoàn thành | Chủ đầu tư | Ghi chú | |
|----------|--|----------|------------|-------------------|----------------------------------|--|-----------------|--------------------|---------------------------------|------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------|---------------------|-----------|-----------|-----------|------------------------|------------|------------------|---------------------------|
| | | | | | | Số, ngày, tháng, năm | Tổng mức đầu tư | Trong đó: dự phòng | Kế hoạch vốn năm 2025 được giao | Ước giải ngân đến 31/01/2026 | Tổng số | Chia theo nguồn vốn | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | Ngân sách trung ương trong nước | Ngân sách Thành phố | Năm 2026 | Năm 2027 | Năm 2028 | | | | Năm 2029 |
| 1 | 3 | 4 | 6 | 9 | 10 | 11 | 12 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | | | | 31 | 32 | 33 | | |
| | Lĩnh vực văn hóa thông tin | 2 | | | | 60 647 | 5 473 | 15 360 | 15 360 | 32 298 | | 32 298 | 32 298 | | | | | | | |
| | Dự án chuyển tiếp | 2 | | | | 60 647 | 5 473 | 15 360 | 15 360 | 32 298 | | 32 298 | 32 298 | | | | | | | |
| 1 | Tu bổ, tôn tạo đình Xuân Dục, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2025-2027 | 1032/QĐ-UBND 20/3/2025 1493/QĐ-UBND 16/9/2025 | 34 372 | 3 125 | 8 860 | 8 860 | 18 378 | | 18 378 | 18 378 | | | | 2 026 | UBND xã Phú Đông | |
| 2 | Tu bổ, tôn tạo đình Kim Quan, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2025-2027 | 886/QĐ-UBND 12/3/2025 1493/QĐ-UBND 16/9/2025 | 26 275 | 2 348 | 6 500 | 6 500 | 13 920 | | 13 920 | 13 920 | | | | 2 026 | UBND xã Phú Đông | |
| | Dự án mới | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Lĩnh vực giao thông | 8 | | | | 316 859 | 21 102 | 77 700 | 77 700 | 222 466 | | 222 466 | 222 466 | | | | | | | |
| | Dự án chuyển tiếp | 8 | | | | 316 859 | 21 102 | 77 700 | 77 700 | 222 466 | | 222 466 | 222 466 | | | | | | | |
| 1 | Xây dựng tuyến đường từ đường Đặng Phúc Thông vào khu đất giá X5 thôn Quy Mông và thôn Trưng Quán, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2019-2026 | 7985/QĐ-UBND 28/10/2019 6462/QĐ-UBND 20/12/2024 | 37 987 | 1 698 | 500 | 500 | 6 100 | | 6 100 | 6 100 | | | | 2 026 | UBND xã Phú Đông | |
| 2 | Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường tại xã Phú Đông, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2025-2027 | 2690/QĐ-UBND 29/5/2025 1493/QĐ-UBND 16/9/2025 | 32 875 | 2 809 | 10 000 | 10 000 | 26 000 | | 26 000 | 26 000 | | | | 2 026 | UBND xã Phú Đông | Giải tòa bức xúc dân sinh |
| 3 | Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông ngõ xóm trên địa bàn xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2025-2027 | 2701/QĐ-UBND 29/5/2025 1493/QĐ-UBND 16/9/2025 | 40 920 | 1 948 | 12 000 | 12 000 | 32 451 | | 32 451 | 32 451 | | | | 2 026 | UBND xã Phú Đông | Giải tòa bức xúc dân sinh |
| 4 | Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông ngõ xóm trên địa bàn xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2025-2027 | 2692/QĐ-UBND 29/5/2025 1493/QĐ-UBND 16/9/2025 | 44 970 | 538 | 12 000 | 12 000 | 35 641 | | 35 641 | 35 641 | | | | 2 026 | UBND xã Phú Đông | Giải tòa bức xúc dân sinh |
| 5 | Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông ngõ xóm trên địa bàn xã Yên Viên, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2025-2027 | 2819/QĐ-UBND 06/6/2025 1493/QĐ-UBND 16/9/2025 | 39 557 | 3 605 | 12 000 | 12 000 | 31 381 | | 31 381 | 31 381 | | | | 2 026 | UBND xã Phú Đông | Giải tòa bức xúc dân sinh |
| 6 | Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông ngõ xóm trên địa bàn xã Yên Thường, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2025-2027 | 2856/QĐ-UBND 10/6/2025 1493/QĐ-UBND 16/9/2025 | 85 082 | 6 867 | 25 000 | 25 000 | 67 836 | | 67 836 | 67 836 | | | | 2 026 | UBND xã Phú Đông | Giải tòa bức xúc dân sinh |
| 7 | Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông ngõ xóm trên địa bàn xã Dương Hà, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2025-2027 | 6154/QĐ-UBND 28/11/2024 1493/QĐ-UBND 16/9/2025 | 21 197 | 2 340 | 5 200 | 5 200 | 11 758 | | 11 758 | 11 758 | | | | 2 026 | UBND xã Phú Đông | Giải tòa bức xúc dân sinh |
| 8 | Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông ngõ xóm trên địa bàn thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2025-2027 | 6161/QĐ-UBND 29/11/2024 1493/QĐ-UBND 16/9/2025 | 14 271 | 1 297 | 1 000 | 1 000 | 11 299 | | 11 299 | 11 299 | | | | 2 026 | UBND xã Phú Đông | Giải tòa bức xúc dân sinh |
| | Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật | 2 | | | | 59 460 | 5 405 | 300 | 300 | 32 168 | | 32 168 | 29 100 | 3 068 | | | | | | |
| | Dự án chuyển tiếp | 1 | | | | 39 460 | 3 587 | 300 | 300 | 16 168 | | 16 168 | 13 100 | 3 068 | | | | | | |
| 1 | Xây dựng HTKT phục vụ đất giá quyền sử dụng đất tại khu đất X5, thôn Trưng Quán và Quy Mông, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2019-2026 | 8073/QĐ-UBND 29/10/2019 6460/QĐ-UBND 20/12/2024 | 39 460 | 3 587 | 300 | 300 | 16 168 | | 16 168 | 13 100 | 3 068 | | | 2 027 | UBND xã Phú Đông | |
| | Dự án mới | 1 | | | | 20 000 | 1 818 | | | 16 000 | | 16 000 | 16 000 | | | | | | | |
| 1 | Cải tạo, mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Phú Đông phục vụ giải phóng mặt bằng dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối sân bay Gia Bình về Thủ đô Hà Nội (đoạn qua địa bàn thành phố Hà Nội) và các dự án khác trên địa bàn xã Phú Đông | 1 | C | Xã Phú Đông | 2026-2027 | | 20 000 | 1 818 | | | 16 000 | | 16 000 | 16 000 | | | | 2 026 | UBND xã Phú Đông | |
| C | DỰ ÁN THUỘC NHIỆM VỤ CHI CẤP XÃ | 140 | | | | 15 113 814 | 1 458 148 | 129 254 | 60 984 | 11 699 295 | | 11 699 295 | 340 000 | 1 790 095 | 2 626 618 | 3 877 395 | 3 003 678 | | | |
| | Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề | 13 | | | | 737 535 | 67 049 | | | 591 409 | | 591 409 | 27 000 | 311 609 | 252 800 | | | | | |

| STT | Tên dự án | Số dự án | Nhóm dự án | Địa điểm xây dựng | Thời gian khởi công - hoàn thành | Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán | | | Năm 2025 | | Nhu cầu Kế hoạch trung hạn 2026-2030 | | | | | | Năm dự kiến hoàn thành | Chủ đầu tư | Ghi chú | |
|-----|--|-----------|------------|-------------------|----------------------------------|---|------------------|--------------------|---------------------------------|------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------|---------------------|----------------|----------------|------------------|------------------------|----------------|------------------|---|
| | | | | | | Số, ngày, tháng, năm | Tổng mức đầu tư | Trong đó: dự phòng | Kế hoạch vốn năm 2025 được giao | Ước giải ngân đến 31/01/2026 | Tổng số | Chia theo nguồn vốn | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | Ngân sách trung ương trong nước | Ngân sách Thành phố | Năm 2026 | Năm 2027 | Năm 2028 | | | | Năm 2029 |
| 3 | 4 | 6 | 9 | 10 | 11 | 12 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | | | | | | | | | |
| | Dự án chuyển tiếp | 2 | | | | | | | | | 41 809 | | 41 809 | 27 000 | 14 809 | | | | | |
| 1 | Mở rộng trường tiểu học Yên Viên, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2023-2025 | 27/NQ-HĐND 20/12/2023 | 14 886 | 1 353 | | | 11 809 | | 11 809 | | 11 809 | | | 2 027 | UBND xã Phú Đông | Xin vốn CB và CBTH bằng nguồn vốn linh hoạt |
| 2 | Xây dựng trường mầm non Hoa Hồng, thôn Trưng Quán, xã Yên Thường huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2020-2026 | 892/QĐ-UBND 17/2/2020 1148/QĐ-UBND 25/5/2025 | 35 649 | 3 241 | | | 30 000 | | 30 000 | 27 000 | 3 000 | | | 2 027 | UBND xã Phú Đông | |
| | Dự án mới | 11 | | | | | 687 000 | 62 455 | | | 549 600 | | 549 600 | 296 800 | 252 800 | | | | | |
| 1 | Cải tạo, sửa chữa trường mầm non Yên Thường | 1 | C | Xã Phú Đông | 2027-2028 | | 20 000 | 1 818 | | | 16 000 | | 16 000 | 6 400 | 9 600 | | | 2 028 | UBND xã Phú Đông | |
| 2 | Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Yên Thường | 1 | C | Xã Phú Đông | 2027-2028 | | 20 000 | 1 818 | | | 16 000 | | 16 000 | 6 400 | 9 600 | | | 2 028 | UBND xã Phú Đông | |
| 3 | Cải tạo, sửa chữa các trường mầm non trên địa bàn xã Phú Đông | 1 | C | Xã Phú Đông | 2027-2028 | | 50 000 | 4 545 | | | 40 000 | | 40 000 | 16 000 | 24 000 | | | 2 028 | UBND xã Phú Đông | |
| 4 | Cải tạo, sửa chữa các trường tiểu học trên địa bàn xã Phú Đông | 1 | C | Xã Phú Đông | 2027-2028 | | 50 000 | 4 545 | | | 40 000 | | 40 000 | 16 000 | 24 000 | | | 2 028 | UBND xã Phú Đông | |
| 5 | Cải tạo, sửa chữa các trường THCS trên địa bàn xã Phú Đông | 1 | C | Xã Phú Đông | 2027-2028 | | 50 000 | 4 545 | | | 40 000 | | 40 000 | 16 000 | 24 000 | | | 2 028 | UBND xã Phú Đông | |
| 6 | Lắp đặt màn hình Led tại các trường học trên địa bàn xã Phú Đông | 1 | C | Xã Phú Đông | 2026-2028 | | 25 000 | 2 273 | | | 20 000 | | 20 000 | 20 000 | | | | 2 027 | UBND xã Phú Đông | |
| 7 | Xây dựng trường mầm non Phú Đông, xã Phú Đông | 1 | B | Xã Phú Đông | 2026-2028 | | 85 000 | 7 727 | | | 68 000 | | 68 000 | 40 800 | 27 200 | | | 2 028 | UBND xã Phú Đông | |
| 8 | Xây dựng trường tiểu học Phú Đông 2 | 1 | B | Xã Phú Đông | 2026-2028 | | 200 000 | 18 182 | | | 160 000 | | 160 000 | 96 000 | 64 000 | | | 2 028 | UBND xã Phú Đông | |
| 9 | Cải tạo, nâng cấp Trường mầm non Ninh Hiệp, xã Phú Đông | 1 | B | Xã Phú Đông | 2026-2028 | | 85 000 | 7 727 | | | 68 000 | | 68 000 | 40 800 | 27 200 | | | 2 028 | UBND xã Phú Đông | |
| 10 | Xây dựng trường THCS Dương Hà, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2026-2028 | | 72 000 | 6 545 | | | 57 600 | | 57 600 | 28 800 | 28 800 | | | 2 028 | UBND xã Phú Đông | |
| 11 | Xây dựng trường mầm non Trung Mầu, xã Phú Đông giai đoạn 2 | 1 | C | Xã Phú Đông | 2027-2028 | | 30 000 | 2 727 | | | 24 000 | | 24 000 | 9 600 | 14 400 | | | 2 028 | UBND xã Phú Đông | |
| | Lĩnh vực giao thông | 32 | | | 2 026 | | 6 210 407 | 649 218 | 113 580 | 46 054 | 4 816 821 | | 4 816 821 | 212 300 | 748 920 | 1 335 785 | 1 623 921 | 895 896 | | |
| | Dự án chuyển tiếp | 10 | | | | | 1 009 369 | 181 492 | 112 710 | 45 840 | 656 904 | | 656 904 | 196 300 | 426 711 | 33 894 | | | | |
| 1 | Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ khu Đình Xuyên qua khu đầu giá X1 đến đường Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2021-2026 | 8192 31/10/19 | 38 465 | 3 496 | 700 | 700 | 9 000 | | 9 000 | 2 000 | 7 000 | | | 2 027 | UBND xã Phú Đông | |
| 2 | Xây dựng tuyến đường để Đa theo quy hoạch, xã Phú Đông, huyện Gia Lâm | 1 | B | Xã Phú Đông | 2021-2026 | 68 17/8/18 13/NQ-HĐND 14/12/18 21/NQ-HĐND 24/9/2021 07/NQ-HĐND 23/6/2022 | 115 399 | 4 103 | 69 200 | 17 400 | 40 000 | | 40 000 | 40 000 | | | | 2 026 | UBND xã Phú Đông | |
| 3 | Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ khu đầu giá B116 đến đường 179 và tuyến đường cạnh khu đầu giá B116, xã Phú Đông, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2020-2026 | 4027 17/06/19 | 39 968 | 3 633 | 19 700 | 15 800 | 5 000 | | 5 000 | 5 000 | | | | 2 026 | UBND xã Phú Đông | |
| 4 | Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đé ta Đường qua thôn Phú Đông 3 đến đường liên xã Ninh Hiệp - Phú Đông - Trung Mầu, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2021-2026 | 14/NQ-HĐND 24/9/2020 | 36 786 | 3 344 | 11 100 | 11 100 | | | | | | | | 2 026 | UBND xã Phú Đông | Vốn giải phóng mặt bằng Kiểm tra lại HDXL; KLTC thực tế |
| 5 | Xây dựng các tuyến đường theo quy hoạch nằm cạnh trường phổ thông liên cấp xã Yên Viên, huyện Gia Lâm | 1 | B | Xã Phú Đông | 2024-2027 | 09/NQ-HĐND 20/6/2024 | 119 967 | 109 061 | 100 | 30 | 95 894 | | 95 894 | 12 000 | 50 000 | 33 894 | | 2 028 | UBND xã Phú Đông | Xin vốn HTMT |
| 6 | Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đé Thợ đé Phú Đông qua thôn Phú Đông 3 đến đường liên xã Ninh Hiệp - Phú Đông - Trung Mầu, xã Phú Đông, huyện Gia Lâm | 1 | B | Xã Phú Đông | 2021-2027 | 14/NQ-HĐND 24/09/20 VB3344 05/10/22 | 36 725 | 3 339 | 11 100 | | 11 114 | | 11 114 | 8 000 | 3 114 | | | 2 027 | UBND xã Phú Đông | |

| STT | Tên dự án | Số dự án | Nhóm dự án | Địa điểm xây dựng | Thời gian khởi công - hoàn thành | Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán | | | Năm 2025 | | Nhu cầu Kế hoạch trung hạn 2026-2030 | | | | | | Năm dự kiến hoàn thành | Chủ đầu tư | Ghi chú | | |
|------------------|--|----------|------------|-------------------|----------------------------------|--|-----------------|--------------------|---------------------------------|------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------|---------------------|----------|----------|-----------|------------------------|------------|------------------|---|----------|
| | | | | | | Số, ngày, tháng, năm | Tổng mức đầu tư | Trong đó: dự phòng | Kế hoạch vốn năm 2025 được giao | Ước giải ngân đến 31/01/2026 | Tổng số | Chia theo nguồn vốn | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | Ngân sách trung ương trong nước | Ngân sách Thành phố | Năm 2026 | Năm 2027 | Năm 2028 | | | | Năm 2029 | Năm 2030 |
| 1 | 3 | | 4 | 6 | 9 | 10 | 11 | 12 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | | | | 31 | 32 | 33 | | |
| 7 | Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường Yên Thương qua chùa Văn đến khu đầu giá đất xã Yên Viên và xã Yên Thương, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đồng | 2021-2027 | 21/NQ-HĐND 24/9/21 | 27 245 | 1 691 | 50 | 50 | 21 696 | | 21 696 | 10 500 | 11 196 | | | 2 027 | UBND xã Phú Đồng | | |
| 8 | Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường quy hoạch 40m Đình Xuyên - Ninh Hiệp đến nút giao đê Tả Đuống với đường quốc lộ 1, xã Phú Đồng, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đồng | 2022-2025 | 14/NQ-HĐND 06/07/2022 | 73 245 | 6 054 | 40 | 40 | 58 522 | | 58 522 | 7 300 | 51 222 | | | 2 027 | UBND xã Phú Đồng | | |
| 9 | Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường 40m theo quy hoạch từ Đình Xuyên đến đường gom quốc lộ 1B, huyện Gia Lâm | 1 | B | Xã Phú Đồng | 2023-2026 | 28/NQ-HĐND (PL.17) 22/09/2023 | 506 686 | 46 062 | 470 | 470 | 404 179 | | 404 179 | 100 000 | 304 179 | | | 2 027 | UBND xã Phú Đồng | Vốn GPMB | |
| 10 | Xây dựng hạ tầng khớp nối tuyến đường đê Tả Đuống đoạn từ cầu Đuống đến cầu Phú Đồng huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đồng | 2021-2023 | 21/NQ-HĐND 24/9/21 | 14 883 | 708 | 250 | 250 | 11 500 | | 11 500 | 11 500 | | | | 2 026 | UBND xã Phú Đồng | | |
| Dự án mới | | 22 | | | 2 026 | | 5 201 038 | 467 726 | 870 | 214 | 4 159 916 | | 4 159 916 | 16 000 | 322 209 | 1 301 891 | 1 623 921 | 895 896 | | | |
| 1 | Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường Đê Đà đến đường liên xã Ninh Hiệp - Phú Đồng - Trung Mầu, xã Phú Đồng, huyện Gia Lâm | 1 | B | Xã Phú Đồng | 2021-2024 | 21/NQ-HĐND 24/9/21 | 77 589 | 7 054 | | | 62 071 | | 62 071 | | 18 621 | 43 450 | | 2 028 | UBND xã Phú Đồng | | |
| 2 | GPMB, xây dựng đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch tại xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm | 1 | B | Xã Phú Đồng | 2021-2024 | 30/NQ-HĐND 18/12/2020 | 147 437 | 13 403 | | | 117 950 | | 117 950 | | 23 590 | 94 360 | | 2 028 | UBND xã Phú Đồng | | |
| 3 | Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông ngõ xóm trên bản xã Phú Đồng | 1 | C | Xã Phú Đồng | 2028-2030 | | 200 000 | 18 182 | | | 160 000 | | 160 000 | | 48 000 | 64 000 | 48 000 | 2 030 | UBND xã Phú Đồng | | |
| 4 | Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông nội đồng trên bản xã Phú Đồng | 1 | C | Xã Phú Đồng | 2026-2029 | | 100 000 | 9 091 | | | 80 000 | | 80 000 | | 32 000 | 48 000 | | 2 029 | UBND xã Phú Đồng | | |
| 5 | Xây dựng tuyến đường liên xã Ninh Hiệp - Phú Đồng - Trung Mầu theo quy hoạch đoạn từ hầm chui Quốc lộ 1B đến đường đê Tả Đuống, huyện Gia Lâm | 1 | B | Xã Phú Đồng | 2026-2030 | 97/QĐ-UBND 10/01/2022 | 583 193 | 53 018 | | | 466 554 | | 466 554 | | 2 000 | 100 000 | 150 000 | 214 554 | 2 030 | UBND xã Phú Đồng | |
| 6 | Xây dựng đường đê Tả Đuống đoạn từ đê Phú Đồng đến hết địa phận xã Trung Mầu, huyện Gia Lâm | 1 | B | Xã Phú Đồng | 2027-2030 | 97/QĐ-UBND 10/01/2022 | 495 000 | 45 000 | | | 396 000 | | 396 000 | | 2 000 | 70 000 | 180 000 | 144 000 | 2 030 | UBND xã Phú Đồng | |
| 7 | Xây dựng tuyến đường gom hai bên đường quốc lộ 1B theo quy hoạch, huyện Gia Lâm | 1 | B | Xã Phú Đồng | 2026-2029 | 97/QĐ-UBND 10/01/2022 | 170 985 | 15 544 | | | 136 788 | | 136 788 | | 1 500 | 40 000 | 95 288 | | 2 029 | UBND xã Phú Đồng | |
| 8 | Xây dựng tuyến đường gom theo quy hoạch từ khu công nghiệp Ninh Hiệp đường gom quốc lộ 1 đến đường gom quốc lộ 3 mới, huyện Gia Lâm | 1 | B | Xã Phú Đồng | 2026-2029 | 97/QĐ-UBND 10/01/2022 | 154 595 | 14 054 | | | 123 676 | | 123 676 | | 1 000 | 60 000 | 62 676 | | 2 029 | UBND xã Phú Đồng | |
| 9 | Xây dựng tuyến đường 179 theo quy hoạch từ đê Phú Đồng đến hết địa phận huyện Gia Lâm | 1 | B | Xã Phú Đồng | 2022-2025 | 14/NQ-HĐND 06/07/2022 | 179 479 | 16 316 | | | 143 583 | | 143 583 | | 80 000 | 63 583 | | 2 028 | UBND xã Phú Đồng | | |
| 10 | Đầu tư xây dựng các tuyến đường theo quy hoạch cấp khu vực cạnh trường phố thông liên cấp xã Yên Viên, huyện Gia Lâm | 1 | B | Xã Phú Đồng | 2026-2028 | 42/NQ-HĐND 04/10/2024 | 123 821 | 11 256 | 400 | 67 | 98 990 | | 98 990 | | 29 697 | 69 293 | | 2 028 | UBND xã Phú Đồng | Xin vốn CB và CBTH bằng nguồn vốn linh hoạt | |
| 11 | Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường 40m theo quy hoạch từ Đình Xuyên đến đường gom quốc lộ 1B, huyện Gia Lâm | 1 | B | Xã Phú Đồng | 2023-2026 | 28/NQ-HĐND (PL.17) 22/09/2023 | 506 686 | 40 967 | 470 | 147 | 404 502 | | 404 502 | | 161 801 | 161 801 | 80 900 | | 2 029 | UBND xã Phú Đồng | |
| 12 | Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường Yên Viên - Đình Xuyên - Ninh Hiệp qua đường Dương Hà đến hết thôn Trung xã Dương Hà, huyện Gia Lâm | 1 | B | Xã Phú Đồng | 2027-2030 | | 179 302 | 16 300 | | | 143 442 | | 143 442 | | 43 032 | 71 721 | 28 688 | | 2 030 | UBND xã Phú Đồng | |

| STT | Tên dự án | Số dự án | Nhóm dự án | Địa điểm xây dựng | Thời gian khởi công - hoàn thành | Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán | | | Năm 2025 | | Nhu cầu Kế hoạch trung hạn 2026-2030 | | | | | | Năm dự kiến hoàn thành | Chủ đầu tư | Ghi chú | | |
|-----|---|----------|------------|-------------------|----------------------------------|--|-----------------|--------------------|---------------------------------|------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------|---------------------|----------|----------|----------|------------------------|------------|------------------|------------------|--|
| | | | | | | Số, ngày, tháng, năm | Tổng mức đầu tư | Trong đó: dự phòng | Kế hoạch vốn năm 2025 được giao | Ước giải ngân đến 31/01/2026 | Tổng số | Chia theo nguồn vốn | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | Ngân sách trung ương trong nước | Ngân sách Thành phố | Năm 2026 | Năm 2027 | Năm 2028 | | | | Năm 2029 | Năm 2030 |
| 1 | 3 | | 4 | 6 | 9 | 10 | 11 | 12 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | | | | 31 | 32 | 33 | | |
| 13 | Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đê tá Đuống đến đường 40m Yên Viên - Đình Xuyên - Phú Đông, huyện Gia Lâm | 1 | B | Xã Phú Đông | 2027-2030 | | 101 788 | 9 253 | | | 81 430 | | 81 430 | | | 40 715 | 40 715 | 2 030 | UBND xã Phú Đông | | |
| 14 | Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch Đốc Lã - Ninh Hiệp - Phú Đông, huyện Gia Lâm | 1 | B | Xã Phú Đông | 2017-2020 | 679/KT-XH 19/12/2017 | 384 612 | 34 965 | | | 307 690 | | 307 690 | | 2 000 | 50 000 | 120 000 | 135 690 | 2 030 | UBND xã Phú Đông | |
| 15 | Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường đê tá Đuống qua khu công nghiệp Đình Xuyên đến đường Đốc Lã - Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm | 1 | B | Xã Phú Đông | 2027-2030 | | 183 222 | 16 657 | | | 146 578 | | 146 578 | | | 43 973 | 73 289 | 29 316 | 2 030 | UBND xã Phú Đông | |
| 16 | Đầu tư xây dựng tuyến đường dọc sông Thiên Đức từ đường Đàng Phúc Thông đến Cụm công nghiệp Đình Xuyên | 1 | B | Xã Phú Đông | 2027-2030 | | 250 000 | 22 727 | | | 200 000 | | 200 000 | | 60 000 | 100 000 | 40 000 | 2 030 | UBND xã Phú Đông | | |
| 17 | Đầu tư xây dựng tuyến đường dọc sông Thiên Đức từ Cụm công nghiệp Ninh Hiệp đến đường Đốc Lã - Ninh Hiệp | 1 | C | Xã Phú Đông | 2027-2030 | | 130 000 | 11 818 | | | 104 000 | | 104 000 | | 31 200 | 52 000 | 20 800 | 2 030 | UBND xã Phú Đông | | |
| 18 | Đầu tư xây dựng tuyến đường từ Đê Tá Đuống đến đường 24,5m Đình Xuyên | 1 | C | Xã Phú Đông | 2027-2030 | | 140 000 | 12 727 | | | 112 000 | | 112 000 | | | 33 600 | 56 000 | 22 400 | 2 030 | UBND xã Phú Đông | Đã kiểm tra giữ nguyên NVC TP |
| 19 | Đầu tư xây dựng tuyến đường Yên Viên theo QH từ đường 40m đến đường Yên Thượng | 1 | B | Xã Phú Đông | 2027-2030 | | 180 000 | 16 364 | | | 144 000 | | 144 000 | | | 43 200 | 72 000 | 28 800 | 2 030 | UBND xã Phú Đông | |
| 20 | Đầu tư xây dựng tuyến đường dọc sông Đuống từ đường dẫn cầu Giang Biên đến thôn 3, Trung Mẫu | 1 | B | Xã Phú Đông | 2027-2030 | | 770 000 | 70 000 | | | 616 000 | | 616 000 | | 184 800 | 308 000 | 123 200 | 2 030 | UBND xã Phú Đông | | |
| 21 | Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường quy hoạch 24,5m Yên Viên đến đường quy hoạch Yên Viên -Đình Xuyên- Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm | 1 | B | Xã Phú Đông | 2027-2030 | | 123 329 | 11 212 | | | 98 663 | | 98 663 | | 29 599 | 49 332 | 19 733 | 2 030 | UBND xã Phú Đông | | |
| 22 | Tổ chức giao thông tại một số điểm mất an toàn trên địa bàn xã Phú Đông | 1 | C | Xã Phú Đông | 2026 | | 20 000 | 1 818 | | | 16 000 | | 16 000 | 16 000 | | | | | 2 026 | UBND xã Phú Đông | chưa có trong vốn 2026 |
| | Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật | 24 | | | | | 2 936 431 | 269 457 | 10 610 | 10 590 | 2 236 467 | | 2 236 467 | 26 800 | 300 684 | 624 432 | 871 965 | 412 587 | | | |
| | Dự án chuyển tiếp | 9 | | | | | 696 431 | 65 821 | 10 610 | 10 590 | 444 467 | | 444 467 | 26 800 | 53 484 | 52 432 | 179 165 | 132 587 | | | |
| 1 | Kê hồ, làm đường dạo chống lấn chiếm hồ Vực, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm | 1 | B | Xã Phú Đông | 2020-2026 | 3652/5/6/2020/9031/20/11/2020 | 138 587 | 7 571 | 7 500 | 7 500 | 2 000 | | 2 000 | 2 000 | | | | | 2 027 | UBND xã Phú Đông | |
| 2 | Nạo vét, chỉnh trang khu vực ao tổ dân phố Yên Hà giáp đường quy hoạch 28m Phan Đăng Lưu - Yên Thượng, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2021-2026 | 6152/QĐ-UBND 28/11/2024 | 14 053 | 586 | 3 000 | 3 000 | 8 200 | | 8 200 | 8 200 | | | | | 2 026 | UBND xã Phú Đông | Giải tỏa bức xúc dân sinh; Chống lấn chiếm |
| 3 | Cải tạo, chỉnh trang và xây dựng bổ sung hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Yên Thượng phục vụ công tác giải phóng mặt bằng các dự án trên địa bàn huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2022-2025 | 14/NQ-HĐND 13/10/2022 | 9 442 | 858 | | | 7 554 | | 7 554 | | 7 554 | | | | 2 027 | UBND xã Phú Đông | Xin vốn CB GPMB bằng nguồn vốn linh hoạt Giải trình cụ thể KKVN; DK tiền đó |
| 4 | Cải tạo chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật đoạn đường vào đê Hạ, xã Phú Đông, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2024-2026 | 09/20/6/2024 | 12 788 | 1 163 | | | 10 000 | | 10 000 | 10 000 | | | | | 2 026 | UBND xã Phú Đông | |
| 5 | Đầu tư xây dựng HTKT khu tái định cư phục vụ GPMB dự án: Nâng cấp tuyến vận tải thủy sông Đuống (Cầu đường sắt Đuống) và các dự án đầu tư khu vực Bắc sông Đuống trên địa bàn huyện Gia Lâm | 1 | B | Xã Phú Đông | 2025-2027 | 42/NQ-HĐND 04/10/2024 | 218 567 | 28 098 | 100 | 80 | 174 774 | | 174 774 | | | 52 432 | 122 342 | | 2 029 | UBND xã Phú Đông | Xin vốn CB GPMB bằng nguồn vốn linh hoạt |
| 6 | GPMB, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật vườn hoa, hồ nước và khu đất đầu giá tại thôn Phú Đông 3 và thôn Đông Viên, xã Phú Đông, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2021-2027 | 30/NQ-HĐND 18/12/2020/09/NQ-HĐND 20/6/2024 | 66 050 | 6 005 | 10 | 10 | 52 530 | | 52 530 | 6 600 | 45 930 | | | | 2 027 | UBND xã Phú Đông | |

| STT | Tên dự án | Số dự án | Nhóm dự án | Địa điểm xây dựng | Thời gian khởi công - hoàn thành | Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán | | | Năm 2025 | | Nhu cầu Kế hoạch trung hạn 2026-2030 | | | | | | Năm dự kiến hoàn thành | Chủ đầu tư | Ghi chú | |
|--------------------------|--|-----------|------------|-------------------|----------------------------------|--|------------------|--------------------|---------------------------------|------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------|---------------------|---------------|----------------|----------------|------------------------|------------------|------------------|-----------------------------|
| | | | | | | Số, ngày, tháng, năm | Tổng mức đầu tư | Trong đó: dự phòng | Kế hoạch vốn năm 2025 được giao | Ước giải ngân đến 31/01/2026 | Tổng số | Chia theo nguồn vốn | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | Ngân sách trung ương trong nước | Ngân sách Thành phố | Năm 2026 | Năm 2027 | Năm 2028 | | | | Năm 2029 |
| 1 | 3 | 4 | 6 | 9 | 10 | 11 | 12 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | | | | 31 | 32 | 33 | | |
| 7 | Xây dựng vườn hoa, sân chơi, khu thể dục thể thao và một số tuyến đường tại thôn Phú Đông 2, xã Phú Đông, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2028-2030 | 14/NQ-HĐND 13/10/22 | 45 419 | 4 129 | | | 36 335 | 36 335 | | | | 10 901 | 25 435 | 2 030 | UBND xã Phú Đông | |
| 8 | Xây dựng khu công viên cây xanh Đám Sen, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm | 1 | B | Xã Phú Đông | 2021-2024 | 04/NQ-HĐND 12/3/2021 | 165 000 | 15 000 | | | 131 855 | 131 855 | | | | 39 557 | 92 299 | 2 030 | UBND xã Phú Đông | |
| 9 | Nạo vét, chỉnh trang khu vực ao đình làng Văn, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2021 - 2025 | 30/NQ-HĐND 18/12/2020 21/NQ-HĐND 24/9/2021 | 26 525 | 2 411 | | | 21 220 | 21 220 | | | | 6 366 | 14 854 | 2 030 | UBND xã Phú Đông | |
| Dự án mới | | 15 | | | | | 2 240 000 | 203 636 | | | 1 792 000 | 1 792 000 | | | 247 200 | 572 000 | 692 800 | 280 000 | | |
| 1 | Cải tạo hệ thống chiếu sáng trên địa bàn xã Phú Đông | 1 | C | Xã Phú Đông | 2026-2028 | | 100 000 | 9 091 | | | 80 000 | 80 000 | | | 48 000 | 32 000 | | 2 028 | UBND xã Phú Đông | |
| 2 | Cải tạo, chỉnh trang các ao, hồ, vườn hoa trên địa bàn xã Phú Đông | 1 | C | Xã Phú Đông | 2026-2028 | | 200 000 | 18 182 | | | 160 000 | 160 000 | | | 96 000 | 64 000 | | 2 028 | UBND xã Phú Đông | |
| 3 | Xây dựng công viên hồ Hòa Bình, xã Phú Đông | 1 | B | Xã Phú Đông | 2026-2030 | | 400 000 | 36 364 | | | 320 000 | 320 000 | | | 96 000 | 160 000 | 64 000 | 2 030 | UBND xã Phú Đông | Đã kiểm tra, vẫn giữ nguyên |
| 4 | Xây dựng công viên tập trung xã Phú Đông | 1 | B | Xã Phú Đông | 2026-2030 | | 250 000 | 22 727 | | | 200 000 | 200 000 | | | 60 000 | 100 000 | 40 000 | 2 030 | UBND xã Phú Đông | |
| 5 | Xây dựng công viên di tích lịch sử xã Phú Đông | 1 | B | Xã Phú Đông | 2026-2030 | | 320 000 | 29 091 | | | 256 000 | 256 000 | | | 76 800 | 128 000 | 51 200 | 2 030 | UBND xã Phú Đông | |
| 6 | Đầu tư xây dựng công viên dọc sông Đuống, xã Phú Đông | 1 | B | Xã Phú Đông | 2026-2030 | | 380 000 | 34 545 | | | 304 000 | 304 000 | | | 91 200 | 152 000 | 60 800 | 2 030 | UBND xã Phú Đông | BC Lai LD Ban |
| 7 | Cải tạo vườn hoa, sân chơi trước đền Thượng, xã Phú Đông | 1 | C | Xã Phú Đông | 2026-2030 | | 100 000 | 9 091 | | | 80 000 | 80 000 | | | 24 000 | 40 000 | 16 000 | 2 030 | UBND xã Phú Đông | Đã kiểm tra, vẫn giữ nguyên |
| 8 | Chỉnh trang đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hệ đường, cây xanh, chiếu sáng, hệ thống ATGT các tuyến đường trên địa bàn xã Phú Đông | 1 | B | Xã Phú Đông | 2027-2030 | | 70 000 | 6 364 | | | 56 000 | 56 000 | | | 16 800 | 22 400 | 16 800 | 2 030 | UBND xã Phú Đông | |
| 9 | Cứng hóa, nạo vét các tuyến mương trục chính tại các thôn, tổ dân phố | 1 | C | Xã Phú Đông | 2027-2030 | | 100 000 | 9 091 | | | 80 000 | 80 000 | | | 24 000 | 32 000 | 24 000 | 2 030 | UBND xã Phú Đông | |
| 10 | Cải tạo, sửa chữa và nạo vét hệ thống thoát nước ngõ ngách trên địa bàn xã Phú Đông | 1 | C | Xã Phú Đông | 2027-2030 | | 30 000 | 2 727 | | | 24 000 | 24 000 | | | 7 200 | 9 600 | 7 200 | 2 030 | UBND xã Phú Đông | |
| 11 | Đầu tư hệ thống PCCC tại các tuyến đường còn lại trên địa bàn xã Phú Đông | 1 | C | Xã Phú Đông | 2026-2028 | | 70 000 | 6 364 | | | 56 000 | 56 000 | | | 33 600 | 22 400 | | 2 028 | UBND xã Phú Đông | |
| 12 | Cải tạo, sửa chữa nghĩa trang liệt sĩ Yên Viên, đài tưởng niệm Dương Hà và Đình Xuyên, xã Phú Đông | 1 | C | Xã Phú Đông | 2026-2027 | | 20 000 | 1 818 | | | 16 000 | 16 000 | | | 16 000 | | | 2 027 | UBND xã Phú Đông | |
| 13 | Cải tạo hệ thống HTKT phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã Phú Đông | 1 | C | Xã Phú Đông | 2027-2030 | | 50 000 | 4 545 | | | 40 000 | 40 000 | | | 8 000 | 12 000 | 20 000 | 2 029 | UBND xã Phú Đông | |
| 14 | Đầu tư xây dựng công viên cây xanh hồ Liên Đàm, xã Phú Đông | 1 | C | Xã Phú Đông | 2027-2029 | | 120 000 | 10 909 | | | 96 000 | 96 000 | | | 38 400 | 28 800 | 28 800 | 2 029 | UBND xã Phú Đông | |
| 15 | Xây dựng HTKT khu vực đầm Sấu, thôn Liên Đàm, xã Phú Đông | 1 | C | Xã Phú Đông | 2026-2028 | | 30 000 | 2 727 | | | 24 000 | 24 000 | | | 7 200 | 16 800 | | 2 028 | UBND xã Phú Đông | |
| Linh vực đầu giá | | 47 | | | | | 4 458 301 | 404 324 | 3 864 | 3 140 | 3 479 062 | | 3 479 062 | 69 500 | 359 083 | 250 201 | 1 119 309 | 1 622 595 | | |
| Dự án chuyển tiếp | | 31 | | | | | 2 692 750 | 243 819 | 3 864 | 3 140 | 2 066 621 | | 2 066 621 | 69 500 | 252 864 | 23 809 | 510 371 | 1 152 844 | | |
| 1 | Xây dựng HTKT phục vụ đầu giá QSD đất nhỏ kẹt xã Phú Đông | 1 | C | HTKT | 2018-2026 | 4104 19/6/19 | 11 299 | 539 | 100 | 100 | 7 452 | | 7 452 | 500 | 6 952 | | | 2 027 | UBND xã Phú Đông | |
| 2 | Xây dựng, hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật các ô đất tại các xã Yên Thượng, Yên Viên, huyện Gia Lâm. | 1 | C | Xã Phú Đông | 2021-2026 | 30/NQ-HĐND 18/12/2020 09/NQ-HĐND 20/6/2024 | 61 438 | 5 585 | 10 | 10 | 49 140 | | 49 140 | 6 100 | 43 040 | | | 2 027 | UBND xã Phú Đông | |
| 3 | Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất để xây dựng, chỉnh trang khu dân cư đô thị tại khu đất YVTT, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2020-2026 | 1290 7/12/18 21/NQ-HĐND 24/9/2021 | 24 551 | 2 232 | 3 000 | 3 000 | 5 000 | | 5 000 | 5 000 | | | | 2 026 | UBND xã Phú Đông | |

| STT | Tên dự án | Số dự án | Nhóm dự án | Địa điểm xây dựng | Thời gian khởi công - hoàn thành | Chức trưởng/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán | | | Năm 2025 | | Nhu cầu Kế hoạch trung hạn 2026-2030 | | | | | | Năm dự kiến hoàn thành | Chủ đầu tư | Ghi chú |
|-----|--|----------|------------|-------------------|----------------------------------|---|-----------------|--------------------|---------------------------------|------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------|---------------------|----------|----------|----------|------------------------|------------------|--|
| | | | | | | Số, ngày, tháng, năm | Tổng mức đầu tư | Trong đó: dự phòng | Kế hoạch vốn năm 2025 được giao | Ước giải ngân đến 31/01/2026 | Tổng số | Chia theo nguồn vốn | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | Ngân sách trung ương trong nước | Ngân sách Thành phố | Năm 2026 | Năm 2027 | Năm 2028 | | | |
| 1 | 3 | 4 | 6 | 9 | 10 | 11 | 12 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | | | | 31 | 32 | 33 | |
| 4 | Xây dựng HTKT phục vụ đầu giá QSD đất nhỏ kết xã Phú Đông (X1, 2, 3, 4) | 1 | C | Xã Phú Đông | 2019-2026 | 4104/QĐ-UBND 19/6/2019 | 11 299 | 539 | | | 9 039 | | 9 039 | | | | 2 027 | UBND xã Phú Đông | Xin vốn CB GPMB bằng nguồn vốn linh hoạt |
| 5 | Tạo mặt bằng, xây dựng HTKT phục vụ đầu giá đất nhỏ, kết tại các xã Yên Thường, Phú Đông, Dương Hà, Yên Viên, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2024-2026 | 21/NQ-HĐND 24/9/2021 23/NQ-HĐND 20/12/2024 | 24 534 | 2 230 | 10 | 10 | 19 617 | | 19 617 | | | | 2 028 | UBND xã Phú Đông | Xin vốn CB GPMB bằng nguồn vốn linh hoạt |
| 6 | GPMB, xây dựng HTKT phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất để xây dựng, chỉnh trang khu dân cư trên địa bàn xã Yên Thường, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2023-2027 | 09/NQ-HĐND 12/7/2023 | 45 502 | 4 137 | | | 36 402 | | 36 402 | | | | 2 027 | UBND xã Phú Đông | Vốn giải phóng mặt bằng |
| 7 | Giai phóng mặt bằng để xây dựng, chỉnh trang khu dân cư đô thị tại khu đất X5, thôn Quy Mông và thôn Trưng Quán, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2018-2026 | 4494/QĐ-UBND 07/06/2018 3282/QĐ-UBND 16/8/2023 1656/QĐ-UBND 24/9/2025 | 41 272 | 3 752 | | | 25 538 | | 25 538 | 3 000 | | | 2 026 | UBND xã Phú Đông | Trùng dự án |
| 8 | Giai phóng mặt bằng tạo quỹ đất theo quy hoạch khu đất PD4 xã Phú Đông, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2020-2024 | 5749 31/7/2020 | 46 794 | 4 254 | 200 | | 13 296 | | 13 296 | | | | 2 026 | UBND xã Phú Đông | Xin vốn CB GPMB bằng nguồn vốn linh hoạt |
| 9 | GPMB tạo quỹ đất sạch phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất khu X1 thôn Trưng Quán, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2018-2019 | 4490 7/6/18 | 75 655 | 6 878 | 514 | | 49 017 | | 49 017 | 48 900 | | | 2 026 | UBND xã Phú Đông | Xin vốn CB GPMB bằng nguồn vốn linh hoạt |
| 10 | Giai phóng mặt bằng phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất để xây dựng công trình phục vụ công đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại khu đất C1, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2020-2023 | 8018 14/10/2020 | 8 374 | 761 | 10 | 10 | | | | | | | 2 026 | UBND xã Phú Đông | Xin vốn linh hoạt |
| 11 | Giai phóng mặt bằng phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất để xây dựng công trình phục vụ công đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại khu đất C8-C9, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2020-2023 | 8020 14/10/2020 | 11 255 | 1 023 | 10 | 10 | 6 000 | | 6 000 | 6 000 | | | 2 026 | UBND xã Phú Đông | |
| 12 | Giai phóng mặt bằng tạo quỹ đất theo quy hoạch khu đất PD1, PD2, PD3 xã Phú Đông, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2020-2026 | 4264/QĐ-UBND 29/6/2020 | 39 032 | 3 548 | | | 14 372 | | 14 372 | | | | 2 026 | UBND xã Phú Đông | Xin vốn CB GPMB bằng nguồn vốn linh hoạt |
| 13 | Giai phóng mặt bằng phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất để xây dựng khu dân cư đô thị mới và chỉnh trang đô thị tại khu đất C6, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2021-2026 | 2113/QĐ-UBND 15/3/2019 NQ21 24/9/2021 | 17 642 | 1 604 | | | 14 114 | | 14 114 | 14 114 | | | 2 027 | UBND xã Phú Đông | |
| 14 | Tạo mặt bằng theo quy hoạch để xây dựng công trình công cộng phục vụ công đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại khu đất C22, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2021-2026 | 21/NQ-HĐND 24/9/2021 | 44 310 | 4 028 | | | 35 448 | | 35 448 | 35 448 | | | 2 027 | UBND xã Phú Đông | Xin vốn CB GPMB bằng nguồn vốn linh hoạt |
| 15 | Giai phóng mặt bằng phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất để xây dựng công trình phục vụ công đồng dân cư và chỉnh trang đô thị ô đất ký hiệu C3, C4, C5, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2021-2026 | QĐ 2074, 2075, 2076 13/3/2019 NQ 04 12/3/2021 | 96 638 | 8 785 | | | 77 310 | | 77 310 | 77 310 | | | 2 027 | UBND xã Phú Đông | Xin vốn CB GPMB bằng nguồn vốn linh hoạt |
| 16 | GPMB phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất để xây dựng công trình phục vụ công đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại khu đất C2, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | | 2073/QĐ-UBND 13/3/2019 | 4 915 | 447 | | | 3 850 | | 3 850 | 3 850 | | | 2 027 | UBND xã Phú Đông | Xin vốn CB GPMB bằng nguồn vốn linh hoạt |
| 17 | Xây dựng HTKT, tạo mặt bằng theo quy hoạch để xây dựng khu dân cư đô thị mới, công trình phục vụ công đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại khu đất YT10, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2021-2024 | 36/NQ-HĐND 21/12/2021 | 22 524 | 2 048 | | | 18 019 | | 18 019 | | 5 406 | 12 613 | 2 030 | UBND xã Phú Đông | |
| 18 | Giai phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất tại vị trí X3, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm | 1 | B | Xã Phú Đông | 2026-2028 | 04/NQ-HĐND 12/3/21 | 188 674 | 17 152 | | | 150 939 | | 150 939 | | | | 2 030 | UBND xã Phú Đông | |

| STT | Tên dự án | Số dự án | Nhóm dự án | Địa điểm xây dựng | Thời gian khởi công - hoàn thành | Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán | | | Năm 2025 | | Nhu cầu Kế hoạch trung hạn 2026-2030 | | | | | | Năm dự kiến hoàn thành | Chủ đầu tư | Ghi chú | | |
|-----|---|-----------|------------|-------------------|----------------------------------|--|------------------|--------------------|---------------------------------|------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------|---------------------|----------|----------------|----------------|------------------------|----------------|---------|------------------|-------------------------|
| | | | | | | Số, ngày, tháng, năm | Tổng mức đầu tư | Trong đó: dự phòng | Kế hoạch vốn năm 2025 được giao | Ước giải ngân đến 31/01/2026 | Tổng số | Chia theo nguồn vốn | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | Ngân sách trung ương trong nước | Ngân sách Thành phố | Năm 2026 | Năm 2027 | Năm 2028 | | | | Năm 2029 | Năm 2030 |
| 1 | 3 | 4 | 6 | 9 | 10 | 11 | 12 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | | | | 31 | 32 | 33 | | | |
| 19 | Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất theo quy hoạch khu đất DIX, thôn Tế Xuyên, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2021-2022 | 10962/QĐ-UBND 26/12/2018 | 462 608 | 42 055 | | | 369 260 | | 369 260 | | | | 110 778 | 258 482 | 2 030 | UBND xã Phú Đông | |
| 20 | GPMB khu đầu giá quyền sử dụng đất X2 xã Đình Xuyên và xã Yên Thường, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2018-2019 | 4491 07/6/2018 1949 07/3/2019 | 23 993 | 2 181 | | | 19 194 | | 19 194 | | 2 900 | | 16 294 | | 2 029 | UBND xã Phú Đông | |
| 21 | Giải phóng mặt bằng khu đầu giá quyền sử dụng đất X5 thôn Quy Mông, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2018-2023 | 4494 07/6/2018 | 23 392 | 2 127 | | | 18 714 | | 18 714 | | | | 5 614 | 13 100 | 2 030 | UBND xã Phú Đông | Bộ dự án bị trùng tế |
| 22 | Tạo mặt bằng phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất để xây dựng công trình phục vụ công đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại các khu đất hai bên đường 24.5m từ đê sông Đuống đến Đốc Lã - Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2025-2027 | 04/NQ-HĐND 12/3/2021 23/NQ-HĐND 20/12/2024 | 25 815 | 2 347 | 10 | | 20 601 | | 20 601 | | | | 6 180 | 14 421 | 2 030 | UBND xã Phú Đông | |
| 23 | Tạo mặt bằng phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất để xây dựng khu dân cư đô thị mới và chỉnh trang đô thị tại các khu đất hai bên đường 24.5m từ đê sông Đuống đến Đốc Lã - Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2021-2026 | 04/NQ-HĐND 12/3/21 | 22 816 | 2 074 | | | 18 200 | | 18 200 | | | | 5 460 | 12 740 | 2 030 | UBND xã Phú Đông | |
| 24 | Giải phóng mặt bằng ô đất theo quy hoạch khu đất YV xã Yên Viên, huyện Gia Lâm | 1 | B | Xã Phú Đông | 2026-2028 | 10955/QĐ-UBND 26/12/2019 | 651 000 | 59 182 | | | 520 164 | | 520 164 | | | | 156 049 | 364 115 | 2 030 | UBND xã Phú Đông | |
| 25 | Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất theo quy hoạch khu đất PD5 xã Phú Đông, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2026-2028 | 10958/QĐ-UBND 26/12/2019 | 47 715 | 4 338 | | | 38 172 | | 38 172 | | | | 11 452 | 26 720 | 2 030 | UBND xã Phú Đông | |
| 26 | GPMB, xây dựng HTKT khung tạo quỹ đất sạch phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất tại khu X2, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm | 1 | B | Xã Phú Đông | 2026-2028 | 47/HĐND-KTXH 31/5/2018 | 171 360 | 15 578 | | | 137 088 | | 137 088 | | | | 41 126 | 95 962 | 2 030 | UBND xã Phú Đông | |
| 27 | GPMB khu đầu giá quyền sử dụng đất X3 thôn Trung Quán, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | | 3637/QĐ-UBND 09/5/2018 | 33 268 | 3 024 | | | 26 614 | | 26 614 | | 10 000 | 10 000 | | | 2 028 | UBND xã Phú Đông | Vốn giải phóng mặt bằng |
| 28 | GPMB khu đầu giá quyền sử dụng đất X4 thôn Trung Quán, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | | 3636/QĐ-UBND 09/5/2018 | 10 371 | 943 | | | 8 297 | | 8 297 | | 4 000 | 4 000 | | | 2 028 | UBND xã Phú Đông | Vốn giải phóng mặt bằng |
| 29 | GPMB phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất để xây dựng khu dân cư đô thị mới và chỉnh trang đô thị tại khu đất DH1, xã Yên Viên, xã Dương Hà, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2026-2028 | 10964 26/12/2018 21/NQ-HĐND 24/9/2021 | 100 726 | 9 157 | | | 80 581 | | 80 581 | | | | 24 174 | 56 407 | 2 030 | UBND xã Phú Đông | |
| 30 | Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất tại vị trí X2B xã Dương Hà, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2026-2028 | 66 17/8/2018 | 94 145 | 8 559 | | | 75 316 | | 75 316 | | | | 22 595 | 52 721 | 2 030 | UBND xã Phú Đông | |
| 31 | Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất theo quy hoạch khu đất DH2 xã Dương Hà, huyện Gia Lâm | 1 | B | Xã Phú Đông | 2026-2028 | 1065/QĐ-UBND 26/12/2018 | 249 833 | 22 712 | | | 199 866 | | 199 866 | | | | 59 960 | 139 906 | 2 030 | UBND xã Phú Đông | |
| | Dự án mới | 16 | | | | | 1 765 551 | 160 505 | | | 1 412 441 | | 1 412 441 | | 106 219 | 226 392 | 608 939 | 469 751 | | | |
| 1 | GPMB tạo quỹ đất sạch thực hiện đầu giá QSD đất các ô đất không phải đầu tư hạ tầng trên địa bàn huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2026-2027 | 250/QĐ-UBND 14/01/2019 | 1 425 | 130 | | | 1 140 | | 1 140 | | | | | | 2 027 | UBND xã Phú Đông | Vốn linh hoạt |
| 2 | GPMB khu đầu giá quyền sử dụng đất khu X1A xã Dương Hà | 1 | C | Xã Phú Đông | 2026-2030 | 100 28/6/2018 | 151 316 | 13 756 | | | 121 053 | | 121 053 | | 60 526 | 60 526 | | | 2 030 | UBND xã Phú Đông | Vốn linh hoạt |
| 3 | GPMB khu đầu giá quyền sử dụng đất khu X1B xã Dương Hà | 1 | C | Xã Phú Đông | 2026-2030 | 4799 28/6/2018 | 17 080 | 1 553 | | | 13 664 | | 13 664 | | 6 832 | 6 832 | | | 2 030 | UBND xã Phú Đông | Vốn linh hoạt |
| 4 | GPMB khu đầu giá quyền sử dụng đất khu X2A xã Dương Hà | 1 | C | Xã Phú Đông | 2026-2030 | 4795 28/6/2018 | 22 741 | 2 067 | | | 18 193 | | 18 193 | | 9 096 | 9 096 | | | 2 030 | UBND xã Phú Đông | Vốn linh hoạt |
| 5 | GPMB tạo quỹ đất theo quy hoạch khu đất C10 xã Dương Hà | 1 | C | Xã Phú Đông | 2026-2030 | 2078 13/3/2019 | 14 476 | 1 316 | | | 11 581 | | 11 581 | | 5 790 | 5 790 | | | 2 030 | UBND xã Phú Đông | Vốn linh hoạt |
| 6 | GPMB tạo quỹ đất theo quy hoạch khu đất C12 xã Đình Xuyên | 1 | C | Xã Phú Đông | 2026-2030 | 2079 13/3/2019 | 12 398 | 1 127 | | | 9 918 | | 9 918 | | 4 959 | 4 959 | | | 2 030 | UBND xã Phú Đông | Vốn linh hoạt |
| 7 | GPMB ô đất nhỏ, kết thôn Trung Quán, xã Yên Thường | 1 | C | Xã Phú Đông | 2026-2030 | 7832 20/9/2018 | 3 768 | 343 | | | 3 014 | | 3 014 | | 3 014 | | | | 2 030 | UBND xã Phú Đông | Vốn linh hoạt |

| STT | Tên dự án | Số dự án | Nhóm dự án | Địa điểm xây dựng | Thời gian khởi công - hoàn thành | Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán | | | Năm 2025 | | Nhu cầu Kế hoạch trung hạn 2026-2030 | | | | | | Năm dự kiến hoàn thành | Chủ đầu tư | Ghi chú | | |
|-----|---|----------|------------|-------------------|----------------------------------|--|-----------------|--------------------|---------------------------------|------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------|---------------------|----------|----------|----------|------------------------|------------|---------|------------------|----------|
| | | | | | | Số, ngày, tháng, năm | Tổng mức đầu tư | Trong đó: dự phòng | Kế hoạch vốn năm 2025 được giao | Ước giải ngân đến 31/01/2026 | Tổng số | Chia theo nguồn vốn | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | Ngân sách trung ương trong nước | Ngân sách Thành phố | Năm 2026 | Năm 2027 | Năm 2028 | | | | Năm 2029 | Năm 2030 |
| 1 | 3 | 4 | 6 | 9 | 10 | 11 | 12 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | | | | 31 | 32 | 33 | | | |
| 8 | GPMB, xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đầu tư QSD đất để xây dựng, chỉnh trang khu dân cư tại khu Gò Mối, thôn Phú Dục 1, xã Phú Đông, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2026-2030 | 1252/UBND-TCKH 28/4/2022 | 20 000 | 1 818 | | | 16 000 | | 16 000 | | | 16 000 | | | 2 030 | UBND xã Phú Đông | |
| 9 | GPMB tạo quỹ đất sạch phục vụ đầu tư QSD đất ở đất gần trường THPT Yên Viên | 1 | C | Xã Phú Đông | 2026-2030 | | 117 902 | 10 718 | | | 94 322 | | 94 322 | | | 47 161 | 47 161 | | 2 029 | UBND xã Phú Đông | |
| 10 | GPMB tạo quỹ đất sạch phục vụ đầu tư QSD đất ở đất Yên Viên 1 | 1 | C | Xã Phú Đông | 2026-2030 | | 16 294 | 1 481 | | | 13 035 | | 13 035 | | | 6 517 | 6 517 | | 2 029 | UBND xã Phú Đông | |
| 11 | GPMB tạo quỹ đất sạch phục vụ đầu tư QSD đất ở đất Yên Viên 2 | 1 | C | Xã Phú Đông | 2026-2030 | | 72 540 | 6 595 | | | 58 032 | | 58 032 | | | 29 016 | 29 016 | | 2 029 | UBND xã Phú Đông | |
| 12 | GPMB tạo quỹ đất sạch phục vụ đầu tư QSD đất ở đất Yên Viên 3 | 1 | C | Xã Phú Đông | 2026-2030 | | 141 234 | 12 839 | | | 112 987 | | 112 987 | | | 56 494 | 56 494 | | 2 029 | UBND xã Phú Đông | |
| 13 | GPMB tạo quỹ đất sạch phục vụ đầu tư QSD đất ở đất Liên Đàm 1 | 1 | C | Xã Phú Đông | 2026-2030 | | 40 932 | 3 721 | | | 32 745 | | 32 745 | | | | 16 373 | 16 373 | 2 030 | UBND xã Phú Đông | |
| 14 | GPMB tạo quỹ đất sạch phục vụ đầu tư QSD đất ở đất Liên Đàm 2 | 1 | B | Xã Phú Đông | 2026-2030 | | 343 224 | 31 202 | | | 274 579 | | 274 579 | | | | 137 289 | 137 289 | 2 030 | UBND xã Phú Đông | |
| 15 | GPMB tạo quỹ đất sạch phục vụ đầu tư QSD đất ở đất Liên Đàm 3 | 1 | B | Xã Phú Đông | 2026-2030 | | 349 802 | 31 800 | | | 279 842 | | 279 842 | | | | 139 921 | 139 921 | 2 030 | UBND xã Phú Đông | |
| 16 | GPMB tạo quỹ đất sạch phục vụ đầu tư QSD đất ở đất Liên Đàm 4 | 1 | B | Xã Phú Đông | 2026-2030 | | 440 419 | 40 038 | | | 352 335 | | 352 335 | | | | 176 168 | 176 168 | 2 030 | UBND xã Phú Đông | |
| | Lĩnh vực văn hóa thông tin | 19 | | | | | 736 524 | 64 954 | 1 200 | 1 200 | 552 400 | | 552 400 | 4 400 | 49 800 | 163 400 | 262 200 | 72 600 | | | |
| | Dự án chuyển tiếp | 4 | | | | | 51 524 | 2 681 | 1 200 | 1 200 | 4 400 | | 4 400 | 4 400 | | | | | | | |
| 1 | Tu bổ, tôn tạo Đền Yên Khê, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2021-2025 | 4015 25/05/2022 | 11 725 | 559 | | | 1 700 | | 1 700 | | | 1 700 | | | 2 026 | UBND xã Phú Đông | |
| 2 | Tu bổ, tôn tạo Đình Lại Hoàng, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2021-2025 | 3988 20/05/2022 | 23 339 | 2 122 | 1 200 | 1 200 | 2 700 | | 2 700 | | | 2 700 | | | 2 026 | UBND xã Phú Đông | |
| 3 | Tu bổ, tôn tạo di tích lăng mộ Quận công Nguyễn Đăng Doanh, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2025-2026 | 4698/QĐ-UBND 07/11/2025 | 5 511 | 501 | | | 4 300 | | 4 300 | | | 4 300 | | | 2 026 | UBND xã Phú Đông | |
| 4 | Lắp đặt bảng tin điện tử công cộng trên địa bàn thị trấn Yên Viên và các xã: Yên Viên, Yên Thường, Ninh Hiệp, Đình Xuyên, Dương Hà, Phú Đông, Trung Mầu thuộc huyện Gia Lâm | 1 | C | Xã Phú Đông | 2024-2025 | 09/NQ-HĐND 20/6/2024 | 10 949 | 995 | | | 8 759 | | 8 759 | | | 8 700 | | | 2 026 | UBND xã Phú Đông | |
| | Dự án mới | 15 | | | | | 685 000 | 62 273 | | | 548 000 | | 548 000 | | 49 800 | 163 400 | 262 200 | 72 600 | | | |
| 1 | Tu bổ, tôn tạo Miếu Công Đình, xã Phú Đông | 1 | C | Xã Phú Đông | 2026-2027 | | 10 000 | 909 | | | 8 000 | | 8 000 | | | 8 000 | | | 2 027 | UBND xã Phú Đông | |
| 2 | Tu bổ, tôn tạo di tích đình Lã Côi, xã Phú Đông | 1 | C | Xã Phú Đông | 2026-2029 | | 50 000 | 4 545 | | | 40 000 | | 40 000 | | | 24 000 | 16 000 | | 2 028 | UBND xã Phú Đông | |
| 3 | Tu bổ, tôn tạo di tích đình Ái Mộ, xã Phú Đông | 1 | C | Xã Phú Đông | 2026-2029 | | 50 000 | 4 545 | | | 40 000 | | 40 000 | | | 12 000 | 28 000 | | 2 029 | UBND xã Phú Đông | |
| 4 | Tu bổ, tôn tạo di tích đình Quy Mông, xã Phú Đông | 1 | C | Xã Phú Đông | 2026-2029 | | 50 000 | 4 545 | | | 40 000 | | 40 000 | | | 12 000 | 28 000 | | 2 029 | UBND xã Phú Đông | |
| 5 | Tu bổ, tôn tạo di tích đình Trưng Quán, xã Phú Đông | 1 | C | Xã Phú Đông | 2026-2029 | | 50 000 | 4 545 | | | 40 000 | | 40 000 | | | 12 000 | 28 000 | | 2 029 | UBND xã Phú Đông | |
| 6 | Tu bổ, tôn tạo di tích đình Yên Thường, xã Phú Đông | 1 | C | Xã Phú Đông | 2026-2029 | | 50 000 | 4 545 | | | 40 000 | | 40 000 | | | 12 000 | 28 000 | | 2 029 | UBND xã Phú Đông | |
| 7 | Tu bổ, tôn tạo di tích đình thôn Hà, xã Phú Đông | 1 | C | Xã Phú Đông | 2026-2029 | | 50 000 | 4 545 | | | 40 000 | | 40 000 | | | 12 000 | 28 000 | | 2 029 | UBND xã Phú Đông | |
| 8 | Tu bổ, tôn tạo di tích chùa thôn Thương, xã Phú Đông | 1 | C | Xã Phú Đông | 2026-2029 | | 50 000 | 4 545 | | | 40 000 | | 40 000 | | | 12 000 | 28 000 | | 2 029 | UBND xã Phú Đông | |
| 9 | Tu bổ, tôn tạo từ vũ Nguyễn Thọ Trang, xã Phú Đông | 1 | C | Xã Phú Đông | 2026-2028 | | 10 000 | 909 | | | 8 000 | | 8 000 | | | 8 000 | | | 2 027 | UBND xã Phú Đông | |
| 10 | Tu bổ, tôn tạo chùa Phú Dục (Sùng Khánh tự), xã Phú Đông | 1 | C | Xã Phú Đông | 2028-2030 | | 80 000 | 7 273 | | | 64 000 | | 64 000 | | | 19 200 | 19 200 | 25 600 | 2 030 | UBND xã Phú Đông | |
| 11 | Tu bổ, tôn tạo chùa Hưng Long, xã Phú Đông | 1 | C | Xã Phú Đông | 2028-2030 | | 50 000 | 4 545 | | | 40 000 | | 40 000 | | | 12 000 | 12 000 | 16 000 | 2 030 | UBND xã Phú Đông | |